

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HS-ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN - TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hữu Hưởng

Bà Trịnh Thị Thái

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2019/HSST ngày 14 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Cà Văn P. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 26/09/1988, tại: thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Bản B, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Chức vụ ĐTĐP: Không. Con ông Lù Văn T (đã chết) và bà Cà Thị G. Vợ: Lò Thị Hoài T (Đã ly hôn từ năm 2017). Bị cáo có 01 con sinh năm 2009.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: 03 tiền án:

+ Ngày 23.08.2006, Tòa án nhân dân thị xã Sơn La xử phạt Cà Văn P 27 tháng tù giam nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng.

+ Ngày 24.02.2009, TAND huyện Yên Châu xử phạt Cà Văn P 09 tháng tù giam, tổng hợp hình phạt với bản án số 104/2006/HSST ngày 23.08.2006 của TAND thị xã Sơn La, tổng cộng 36 tháng tù giam.

+ Ngày 29.08.2012, TAND thành phố Sơn La ra xử phạt Cà Văn P 30 tháng tù giam, tổng hợp hình phạt với bản án số 29/2009/HSST ngày 24.02.2009 của TAND huyện Yên Châu, tổng cộng 60 tháng 11 ngày tù giam. Đã chấp hành xong ngày 25.01.2017 (Chưa được xóa án tích).

Bị cáo hiện đang chấp hành việc cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Bùi Thị H. Trú tại: Tiểu khu D, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Cà Thị G, sinh năm 1964. Trú tại: Bản B, Phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bà Ngô Thị H2, sinh năm 1972. Trú tại: Tổ S, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 16.12.2018, Cà Văn P (sinh năm 1988, trú tại Bản B, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) điều khiển xe máy nhãn hiệu Jialing biển kiểm soát 26F2 – 6409 đi từ nhà đến thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La mục đích tìm người sơ hở trong quản lý tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực bệnh viện Lao thuộc Tiểu khu D, thị trấn H, huyện Mai Sơn, P nhìn thấy quán tạp hóa của Bùi Thị H (sinh năm 1967, trú tại Tiểu khu D, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) ở bên phải đường theo chiều đi của mình nên nảy sinh ý định lợi dụng sơ hở của chủ quán để trộm cắp tài sản. P dừng xe trước cửa quán và hỏi mua của H 300.000VNĐ mì trắng, H đồng ý và bảo P chờ để H tìm thùng đựng mì. Lợi dụng trong lúc H đang xếp mì vào thùng, P đi vào trong nhà H mục đích tìm kiếm tài sản có giá trị để trộm cắp thì nhìn thấy 01 tủ ly bằng gỗ bên cạnh bàn uống nước, P liền dùng tay cạy mở cửa tủ thì thấy tại ngăn trên bên trong tủ có 300.000VNĐ (gồm 01 tờ tiền 200.000VNĐ và 01 tờ tiền 100.000VNĐ), 01 cốc sứ và 01 lọ nhựa bên trong đều chứa các thẻ cào điện thoại Viettel và Vinaphone mệnh giá khác nhau. P lấy 300.000VNĐ và toàn bộ số thẻ cào điện thoại cất giấu vào túi quần bên trái đang mặc, rồi đóng cửa tủ lại. Sau đó P đi ra ngoài nói với H không mua mì nữa rồi điều khiển xe máy đi về hướng thành phố Sơn

La. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực trung tâm thương mại Vincom thuộc phường Q, thành phố Sơn La, P dừng xe tại điểm chờ xe buýt đối diện trung tâm thương mại Vincom rồi đi bộ đến quán tạp hóa của Ngô Thị H2 (sinh năm 1972, trú tại Tổ S phường Q, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) cách điểm chờ xe buýt khoảng 5m, P hỏi bán cho H2 số thẻ cào điện thoại vừa trộm cắp được, H2 đồng ý. Sau khi tính toán H2 thông báo tổng mệnh giá số thẻ cào điện thoại là 2.750.000VNĐ, H2 trả giá 2.250.000VNĐ và đưa tiền, P cầm tiền cất vào ví da để trong túi quần bên phải rồi quay lại điểm chờ xe buýt lấy xe máy đi về nhà. Cùng ngày, Bùi Thị H làm đơn đến Công an huyện Mai Sơn trình báo về việc mất trộm tiền và thẻ điện thoại. Ngày 17.12.2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Sơn đã triệu tập Cà Văn P đến làm việc, tại cơ quan điều tra P đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bản thân như trên.

Vật chứng thu giữ: 3.504.000VNĐ thu giữ của Cà Văn P, 500.000VNĐ thu giữ của Ngô Thị H2.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 13/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố bị cáo Cà Văn P về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Cà Văn P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác định số tiền bị cáo trộm cắp được và có được từ việc bán thẻ điện thoại trộm cắp bị cáo đã chi tiêu hết. Số tiền nộp tại cơ quan điều tra là tiền của mẹ bị cáo đưa cho bị cáo 3.000.000 VNĐ để đi sửa xe, 504.000đ là tiền của bị cáo do bị cáo đi làm thuê trước đó có được. Bị cáo chấp nhận bồi thường toàn bộ thiệt hại mà bị hại yêu cầu, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa, theo nội dung đơn xin xét xử vắng mặt cũng như lời khai trong quá trình điều tra, bị hại H trình bày như sau: bà là chủ cửa hàng tạp hóa có vị trí ở ngã ba Viện Lao, Tiểu khu D, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Trưa ngày 16/12/2018, khi bà ở trong nhà thì có người gọi mua mì, sau đó thì không mua nữa. Một lúc sau bà ra thì phát hiện bị mất toàn bộ số thẻ điện thoại bà bán lẻ với số tiền 300.000VNĐ. Giá trị thẻ điện thoại bị mất là 2.750.000 VNĐ. Bà yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tài sản trên cho bà đồng thời phải bồi thường thêm tiền công đi lại 450.000VNĐ. Buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 3.500.000VNĐ. Trước phiên tòa, bà và gia đình của bị cáo đã thỏa thuận được về nội dung này. Về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo, bà đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H2, theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa cũng như lời khai trong quá trình điều tra, bà H2 trình bày: khoảng 14 giờ ngày 16/12/2018, khi bà đang ở quán bán hàng tạp hóa tại Tổ S, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La thì có một nam thanh niên đi vào (sau bà mới biết là bị cáo P) hỏi để bán thẻ điện thoại cho bà. Bà đồng ý mua với giá 2.250.000 VNĐ với tổng giá trị thẻ điện thoại là 2.750.000VNĐ. Bà không biết số thẻ trên là do bị cáo trộm cắp có được. Bà đã nộp lại số tiền 500.000VNĐ phần chênh lệch giá trị thẻ điện thoại với số tiền bà trả cho bị cáo mua thẻ cho cơ quan điều tra. Bà đề nghị Tòa án xử lý số tiền bà nộp ở trên theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì cho bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Cà Thị G (mẹ đẻ của bị cáo Cà Văn P) trình bày tại phiên tòa như sau: Chiếc xe máy nhãn hiệu Jialing BKS 26F2-6409, P sử dụng làm P tiện đi tìm trộm cắp tài sản là chiếc xe máy của bà. Do bà mua lại của anh Quảng Văn Q với giá 2.500.000VNĐ làm P tiện đi lại của gia đình. Việc bị cáo lấy xe đi tìm nơi trộm cắp tài sản bà không biết. Số tiền 3.504.000VNĐ thu giữ của bị cáo thì có 3.000.000đ bà đưa cho bị cáo đi sửa xe nhưng bị cáo chưa kịp sửa xe thì bị bắt. Bị cáo đã nộp số tiền trên. Trước khi mở phiên tòa, bà đã gặp gia đình bị hại thỏa thuận bồi thường. Bà có nguyện vọng số tiền bà đưa cho bị cáo P sẽ cho bị cáo P để bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Cà Văn P phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): xử phạt bị cáo Cà Văn P từ 24 đến 30 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo P.

Về vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bà Cà Thị G 01 xe máy nhãn hiệu Jialing BKS 26F2-6409.

Trả lại cho bị cáo Cà Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel A32F và số tiền 3.504.000VNĐ. Trả lại cho chị Ngô Thị H2 số tiền 500.000VNĐ.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền 3.500.000VNĐ.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23, Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000VNĐ, án phí dân sự sơ thẩm là 150.000VNĐ.

Bị cáo Cà Văn P tự bào chữa: Nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo Cà Văn P thì thấy rằng: Ngày 16.12.2018, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của gia đình Bùi Thị H (thuộc Tiểu khu D, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La), Cà Văn P đã lén lút trộm cắp 300.000VNĐ và các thẻ cào điện thoại tổng trị giá 2.750.000VNĐ.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đơn tố giác tội phạm; sơ đồ hiện trường, phù hợp với lời khai của bị hại Bùi Thị H, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Thị H2, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can... Qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn. Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở kết luận bị cáo Cà Văn P đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản.

Trước lần phạm tội này, ngày 29.08.2012, TAND thành phố Sơn La ra xử phạt Cà Văn P 30 tháng tù giam, tổng hợp hình phạt với bản án số 29/2009/HSST ngày 24.02.2009 của TAND huyện Yên Châu, tổng cộng 60 tháng 11 ngày tù giam. Đã chấp hành xong ngày 25.01.2017. Tính đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chưa được xóa án tích nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Viện kiểm sát truy tố và tòa án xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

Điều 173 BLHS năm 2015 quy định: Tội Trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm.”

[3] Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa P.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, dân sự và là người sử dụng ma túy. Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền tiêu sài cho bản thân, có tiền mua ma túy để sử dụng nên bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khai báo tích cực, hợp tác với cơ quan điều tra xác định rõ vị trí trộm cắp tài sản, mô tả chính xác hiện trường, chỉ ra nơi bị cáo đã tiêu thụ tài sản trộm cắp, từ đó giúp cơ quan điều tra củng cố thêm được nhiều chứng cứ, nhanh chóng điều tra làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tác động đến gia đình bị cáo để mẹ bị cáo là Cà Thị G thỏa thuận toàn bộ việc bồi thường cho bị hại Bùi Thị H, tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại H cũng xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tuy nhiên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bản thân bị cáo là người sử dụng ma túy hiện đang điều trị cai nghiện tại Trung tâm giáo dục lao động tỉnh Sơn La. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên toà thấy rằng: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có nguồn thu nhập chính, không có nhà cửa, tài sản gì có giá trị. Số tiền thu giữ của bị cáo trong vụ án là 3.504.000đ tại phiên tòa đã xác định có 3.000.000đ nguồn gốc là của bà Cà Thị G đưa cho bị cáo để đi sửa xe. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì có áp dụng thì bị cáo cũng không có khả năng để thi hành.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Jialing BKS 26F2-6409 cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo xác định là chiếc xe bị cáo sử dụng làm P tiện đi tìm nơi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản trộm cắp. Chiếc xe trên là tài sản bà Cà Thị G mua lại của anh Quảng Văn Quân, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Cà Thị G. Việc bị cáo sử dụng chiếc xe làm P tiện thực hiện hành vi phạm tội bà Giót không biết. Do vậy, cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bà Cà Thị G chiếc xe trên là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Cần chấp nhận.

Đối với số tiền 3.504.000VNĐ tại phiên tòa đã xác định được đây không phải là số tiền bị cáo trộm cắp được của bị hại mà là số tiền của bị cáo do mẹ của bị cáo là bà Cà Thị G đưa cho bị cáo 3.000.000VNĐ để đi sửa xe và 504.000VNĐ là tiền của bị cáo. Bà Cà Thị G tại phiên tòa đã xác định đúng số tiền 3.000.000đ là của bà đưa cho bị cáo để đi sửa xe. Đối với chiếc điện thoại hiệu IteL thu giữ của bị cáo cũng không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 cần trả lại cho bị cáo các tài sản trên.

Đối với số tiền 500.000VNĐ do bà Ngô Thị H2 nộp cho cơ quan điều tra, xác định là số tiền chênh lệch về giá trị thẻ điện thoại với số tiền bà H2 trả cho bị cáo khi mua thẻ điện thoại của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định bà H2 không biết số thẻ điện thoại của bị cáo bán cho mình là do bị cáo trộm cắp được. Bà H2 là người thứ ba sở hữu ngay tình đối với số thẻ điện thoại trên. Số tiền 500.000VNĐ không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bà Ngô Thị H2. Đồng thời, không đặt vấn đề xử lý đối với hành vi của bà H2.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và bị cáo đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường toàn bộ thiệt hại trước khi mở phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án. Xét thỏa thuận của bị hại và bị cáo là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 582, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Theo đó, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại số tiền là 3.500.000VNĐ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cà Văn P phạm tội Trộm cắp tài sản

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Cà Văn P 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bà Cà Thị G 01 xe máy nhãn hiệu Jialing BKS 26F2-6409.

Trả lại cho bị cáo Cà Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu IteL A32F và số tiền 3.504.000VNĐ. Trả lại cho chị Ngô Thị H2 số tiền 500.000VNĐ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 582, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo Cà Văn P và bị hại Bùi Thị H với nội dung: Bị cáo Cà Văn P có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Bùi Thị H số tiền 3.500.000VNĐ.

4. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23, Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng chẵn), án phí dân sự sơ thẩm là 150.000VNĐ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(đã ký)****Phạm Thị Thanh Nga**